

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày 08/7/2019

V/v: “ *Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1./ Ông Phan Xuân Ngọc.

2./ Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị H Hương– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*
Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 08/7/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc đã đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-DS ngày 09/01/2019 về việc: “*Kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐST-DS ngày 06/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số /2019 /QĐST-DS, ngày 20/6/2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Khổng Thị Thu H; Sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn 1, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk(có mặt)

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc S; sinh năm 1973 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị H1 ; sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2018 nguyên đơn bà Khổng Thị Thu H trình bày:

Tôi với vợ chồng ông Nguyễn Khắc S bà Nguyễn Thị H1 chỉ có mối quan hệ vay mượn ngoài ra không có quan hệ gì khác: Vào ngày ngày 26/7/2018 bà H1, ông S vay của tôi 10.000.000đ (Mười triệu đồng) lãi suất do hai bên thỏa thuận là 2%/tháng thời hạn vay là 2 tháng; Ngày 10/8/2018 bà H1, ông S lại vay tiếp của tôi 5.000.000đ (Năm triệu đồng) hẹn trả trong 60 ngày, đồng thời hai bên thỏa thuận miệng nếu chậm trả thì phải chịu lãi suất 2%/ tháng. Khi vay số tiền trên bà H1, ông S có viết biên nhận cho tôi giữ. Tuy nhiên khi đến hạn bà H1, ông S không trả nợ cho tôi như đã cam kết. Vì vậy, tôi

làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ông Nguyễn Khắc S và bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm trả cho tôi số tiền nợ gốc là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng). Tại các buổi tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay bà Khổng Thị Thu H khai rằng: Sau khi vay tiền thì ông S và bà H1 đã trả cho tôi được 4.500.000đ tiền nợ gốc nhưng không thanh toán cho tôi được khoản tiền lãi nào cả. Nguyên vọng của tôi là yêu cầu HĐXX buộc bà H1, ông S phải trả cho tôi số tiền nợ gốc còn lại là 10.500.000đ. (mười triệu năm trăm nghìn đồng). Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

Ngày 03/4/2019 bà Khổng Thị Thu H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện theo đó bà H xin rút yêu cầu đối với số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) Bà H chỉ yêu cầu HĐXX buộc bà H1, ông S phải trả cho bà H số tiền nợ gốc còn lại là 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

- *Tại bản tự khai ngày 20/02/2019 bị đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:* Vợ chồng tôi với bà Khổng Thị Thu H có mối quan hệ vay mượn tài sản ngoài ra chúng tôi không có qua hệ gì khác. Tôi thừa nhận vợ chồng tôi có lập 02 hợp đồng để vay của bà Khổng Thị Thu H số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), mục đích vay để chi tiêu trong gia đình. Cụ thể: ngày 26/7/2018 vợ chồng tôi vay của bà H 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khi vay số tiền trên hai bên thỏa thuận vợ chồng tôi trả góp cho bà H mỗi ngày 200.000đ và trả trong vòng 60 ngày; Ngày 10/8/2018 vợ chồng tôi lại vay tiếp của bà H 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Khi vay số tiền trên hai bên thỏa thuận vợ chồng tôi trả góp cho bà H mỗi ngày 100.000đ và trả góp trong vòng 60 ngày. Khi vay tiền vợ chồng tôi không thể chấp tài sản gì cho bà H cả. Sau khi vay vợ chồng tôi đã trả được khoảng 10.100.000đ cụ thể như sau:

- Đối với khoản vay ngày 26/7/2018 với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau khi vay vợ chồng tôi đã góp cho bà H được 39 ngày x 200.000đ/ngày = 7.800.000đ. Như vậy khoản nợ này vợ chồng tôi chỉ còn nợ bà H 2.200.000đ tiền nợ gốc.

- Đối với khoản nợ vay ngày 18/10/2018 với số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Sau khi vay vợ chồng tôi đã góp cho bà H được 23 ngày x 100.000đ/ngày = 2.300.000đ. Như vậy vợ chồng tôi chỉ còn nợ bà H 2.700.000đ tiền nợ gốc.

Tổng cộng vợ chồng tôi chỉ nợ bà H 4.900.000đ tiền nợ gốc và tiền lãi từ ngày vay đến nay.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2019 và tại các buổi làm việc tiếp theo bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Sau khi vay của bà H số tiền 15.000.000đ thì vợ chồng tôi đã trả cho bà H được 10.100.000đ (Mười triệu một trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, vợ chồng tôi không giấy tờ gì chứng minh cho việc trả nợ của mình. Nay bà H yêu cầu vợ chồng tôi trả số tiền nợ gốc 10.500.000đ thì tôi đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà H. Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn nên tôi xin được trả dần số nợ trên cho bà H.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và Hòa giải. Tuy nhiên, ông Nguyễn Khắc S không có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, nên Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Phản tranh luận:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Khổng Thị Thu H yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S phải chịu trách nhiệm trả cho

bà H số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng), ngoài ra bà H không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt phiên tòa là vi phạm các Điều 70, 72, 227 BLTTDS. Thành phần Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử

- Về nội dung: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 218, Điều 219 Điều 228 của BLTTDS; Điều 463 và Điều 466 Điều 670 BLDS năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX tuyên:

- Chấp nhận một phần cầu khởi kiện của bà Khổng Thị Thu H. Buộc bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S phải trả cho bà Khổng Thị Thu H số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và yêu cầu lãi suất của bà Khổng Thị Thu H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1]. Xét về hình thức: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Khổng Thị Thu H lập ngày 16/11/2018, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Tại thời điểm bà Khổng Thị Thu H khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S ông có đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S vắng mặt không có lý do, nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt Quyết định Hoãn phiên tòa cho bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S.

[2]. Xét về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Khổng Thị Thu H yêu cầu bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S phải trả cho bà Khổng Thị Thu H số tiền 10.500.000đ là hoàn toàn có cơ sở pháp lý. Bởi thực tế vào ngày 26/7/2018 vợ chồng ông S, bà H1 có vay của bà H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Ngày 10/8/2018 vợ chồng ông S, bà H1 lại vay tiếp của bà H 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Được chứng minh qua hai giấy vay tiền ngày 26/7/2018 và ngày 10/8/2018 và trong bản tự khai, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bà H1 cũng thừa nhận đã vay của bà H tổng cộng 15.000.000đ tiền gốc. Mặc dù tại bản tự khai ngày 20/02/2019 bà H1 cho rằng sau khi vay tiền thì bà và ông S đã trả được cho bà H số tiền khoảng 10.100.000đ. Tuy nhiên bà H1 không cung cấp cho Tòa án bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh là bà và ông S đã trả cho bà H được khoản tiền trên. Mặt khác căn cứ vào biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2019 và các buổi làm việc tiếp theo bà Nguyễn Thị H1 thừa nhận sau khi vay mặc dù bà đã trả cho bà H được 10.100.000đ nhưng bà không có chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình, nay bà H yêu cầu bà và ông S trả cho bà H 10.500.000đ thì bà đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà H.

Xét thấy việc việc giao kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện. Nội dung hợp đồng phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Các đương sự tham gia giao dịch là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức rõ việc làm của mình và không có sự ép buộc trong quá trình thực hiện giao dịch dân sự này. Khi thực hiện hợp đồng vay tài sản, thì bên cho vay (bà Khổng Thị Thu H) và bên vay (bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S) được lập thành văn bản và bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S là người trực tiếp ký vào văn bản này. Bản thân bà H1 cũng thừa nhận chữ ký bên người mượn trong giấy vay nợ mà bà H dùng để khởi kiện bà và ông S là do bà và ông S ký tên bên phía người vay. Như vậy, tuy trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Khắc S không có mặt tại Tòa án, song theo lời khai của bà H1 thì chữ ký trong giấy mượn tiền mà bà H dùng để khởi kiện bà và ông S là do bà và ông S viết và ký tên bên phía người vay. Như vậy, tuy ông Nguyễn Khắc S không tham gia tố tụng, nhưng căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Thị H1 và căn cứ vào giấy mượn tiền mà bà H cung cấp tại Tòa án có đủ cơ sở để khẳng định bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S vay của bà H số tiền 15.000.000 đồng là hoàn toàn đúng thực tế. Khi quá hạn thanh toán bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H1, ông S có trách nhiệm thanh toán nợ nhưng bà H1, ông S chỉ thanh toán cho bà H được 4.500.000đ. Số tiền còn lại là 10.500.000đ bà H1, ông S không chịu thanh toán cho bà H. Như vậy, bà H1, ông S vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại Điều 466 quy định như sau:

1 “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

Xét thấy bà Khổng Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S phải có nghĩa vụ trả số tiền 10.500.000 là hoàn toàn có đầy đủ cơ sở pháp lý. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn Điều 463 và Điều 466 Điều

670 BLDS năm 2015 để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S phải có nghĩa vụ trả cho bà Khổng Thị Thu H số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài ra trong đơn khởi kiện, bà Khổng Thị Thu H yêu cầu ông S, bà H1 hoàn trả cho bà H số tiền 15.000.000đ. Tuy nhiên, trong quá Tòa án giải quyết vụ án bà H đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.500.000đ và chỉ yêu cầu HĐXX buộc ông S, bà H1 trả số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng). Xét thấy việc bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.500.000đ là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX áp dụng Điều 217, Điều 218, Điều 219 BLTTDS Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.500.000đ là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Về tiền lãi: Tại phiên tòa hôm nay bà Khổng Thị Thu H không yêu cầu ông S bà H1 phải thanh toán tiền lãi suất nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Do HĐXX tuyên buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Khắc S phải trả cho bà Khổng Thị Thu H số tiền 10.500.000đ. Do vậy, cần áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 31/12/2016. Buộc ông bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Khắc S phải chịu 525.000đ tiền án phí DSST. Mức tính như sau $10.500.000đ \times 5\% = 525.000đ$. (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng)

Hoàn trả lại cho bà Khổng Thị Thu H 375.000đ (Ba trăm bảy lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Không Pắc tỉnh Đắk Lắk ngày 04/01/2019 theo biên lai thu số AA/2017/009682.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Không Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ Hội đồng xét xử cần chấp nhận

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều 227, Điều 228 và Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Khổng Thị Thu H: Buộc bà Nguyễn Thị H1 và ông Nguyễn Khắc S phải trả cho bà Khổng Thị Thu H số tiền 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và yêu về phần lãi suất của nguyên đơn.

- Về án phí: Buộc ông Nguyễn Khắc S và bà Nguyễn Thị H1 phải chịu 525.000đ (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí DSST.

Hoàn trả lại cho bà Khổng Thị Thu H 375.000đ (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 04/01/2019 theo biên lai thu số AA/2017/009682.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

“Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Thi hàn án huyện K;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền